

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/06/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+RC6+RC4	7:25	5+0+0	0+0+0		13+4+5	0+0+0	Chuyen 3 TD3-RC6, Chuyen 5 TD3-RC4
2		BK4+TD3	7:25	14+6	0+0		14+8	0+0	
3		P4	7:25	22	0		22	0	
4		AMD+TGTH1+HSD	07:25	10+5+3	0+0+0		8+6+4	0+0+0	
5		P6+P5	9:25	3+19	0+0		0+22	0+0	
6		RP3+P3	9:25	13+9	0+0		11+11	0+0	
7		BK5+P2+P7	9:25	9+12	0+0		8+14	0+0	P2 NGUOI NHA MAT
8		P5+BK5	11:25	18+2	0+0		15+6	0+0	
9		P4	11:25	21	0		22	0	
10		PPD	11:25	18	0		21	0	

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/06/2021	TO: TD3 - RC6 - RC4	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Nam - XTruong - THU	ETA: 09:10
xanh-1			

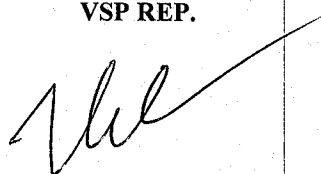
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN CONG AN	TD3	50	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
2	TRAN QUOC THINH	TD3	53-55	3	17	25	55	XAYLAP	Vietnamese
3	TRAN VAN DAT	TD3	56	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
4	TRAN MINH TAM	TD3	57	1	7		63	XAYLAP	Vietnamese
5	PHAM TUNG DUONG	TD3	52	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
6	TRAN VAN LUC	TD3	51	1	5		92	PSV	Vietnamese
7	HO SY THANH	TD3	47	1	5		55	PSV	Vietnamese
8	NGUYEN TUAN	TD3	48	1	5		70	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN VAN LAP	TD3	46	1	5		65	PSV	Vietnamese
10	PHAN CHINH QUY	TD3	49	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

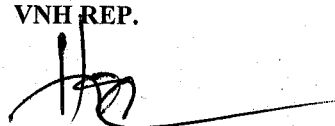
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	10	12	79	670	25	13	8	CHUYEN 02 PAX TU TD3 SANG RC6, CHUYEN 05 PAX TU TD3 SANG RC4
2	RC6	0	0	0	0	0	4		
3	RC4	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		10	12	79	670	25	22		
WEIGHT KG				79	670	25			

GRAND TOAL: 774 KGS

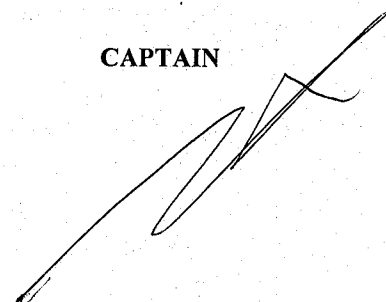
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/06/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: BK4 - TD3	CREW: Phong - ĐNam - HIẾU	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG TRỌNG BÀI	BK4	38	1	14	90	69	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VĂN NGHĨ	BK4	40	1	15	35	65	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN NAM THẮNG	BK4	39	1	12		100	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ CHI CÔNG	BK4	35	1	10		54	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ VĂN TUÔI	BK4	33-34	2	16		65	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM ĐÌNH DUNG	BK4	57	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ VĂN VƯỢNG	BK4	28	1	9		76	XAYLAP	Vietnamese
8	HOÀNG NGỌC SANG	BK4	29	1	12		54	XAYLAP	Vietnamese
9	VŨ QUANG HIẾU	BK4	31	1	12		108	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM VIỆT HÙNG	BK4	36-37	2	18		73	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HÀ	BK4	55-56	2	18		62	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẠM QUANG CHUNG	BK4	58	1	16	10	50	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG	BK4	30	1	19		55	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM THANH NAM	BK4	59	1	19		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	14	17	202	971	135	14		
2	TD3	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		14	17	202	971	135	22		
WEIGHT KG				202	971	135			

GRAND TOAL: 1.308 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/06/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: P4	CREW: HUNG - Linh - Toan	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SUDAKOV	P4	97	1	10		115	KHI	Russian
2	ZAGUDAEV	P4	92-93	2	10		80	KHI	Russian
3	PHẠM QUỐC DUY	P4	96	1	3		60	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH TRUNG	P4	200	1	5		70	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN HỒNG PHÚC	P4	72	1	4		70	KHI	Vietnamese
6	LÊ QUANG VINH	P4	94	1	9		75	KHI	Vietnamese
7	DUƠNG ĐÌNH HIỀN	P4	71	1	7		66	KHI	Vietnamese
8	LÊ VĂN HOÀN	P4	70	1	3		69	KHI	Vietnamese
9	LÊ VĂN MẠNH	P4					60	KHI	Vietnamese
10	LÊ ĐỨC OANH	P4	69	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ MẠNH HÀ	P4	90	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẠO ĐỨC HUNG	P4					57	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN DUY THAI	P4					69	KH-THAC	Vietnamese
14	LUƠNG HỮU HẬU	P4	87	1	11		88	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN SĨ TUẤN	P4					72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HOÀNG VINH	P4	98	1	9		73	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM THAI SƠN	P4	86	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM VĂN HOÀNG	P4	91	1	9		69	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI MINH TUẤN	P4	89	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN NGỌC TUẤN	P4	88	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN NHÂN HAI	P4	95	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN KHANH	P4	99	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	22	19	117	1.543	0	22		
TOTAL		22	19	117	1.543	0	22		
WEIGHT KG				117	1.543	0			

GRAND TOAL: 1.660 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/06/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 07:41
FLIGHT: 4	TO: AMD - TGTH1 - HSD	CREW: NKhánh - ATUẤN	ETA: 09:41
trang-1			

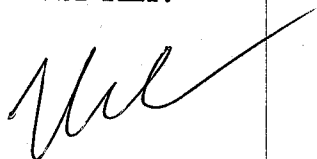
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN XUÂN THANH	AMD	03	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN SANH	AMD	02	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGO VĂN SAU	AMD	01	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐOÀN DUẬN	AMD	700	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
5	HỒ TRẦN PHƯƠNG ĐÔNG	AMD	98-99	2	15	10	65	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ MẠNH HÀ	AMD	07-08	2	10	35	83	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐINH HỮU TÍNH	AMD	06	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN THUY	AMD	10-11	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM NGỌC TUẤN	AMD	09	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THE DANH	AMD	04-05	2	13		73	KH-THAC	Vietnamese
11	NGO QUANG HUÂN	TGTH1	69-70	2	11		67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU CƯỜNG	TGTH1	72-73	2	8		77	KH-THAC	Vietnamese
13	HOÀNG VĂN GIANG	TGTH1	68	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐÌNH SONG	TGTH1	74	1	6		52	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TÂN VƯƠNG	TGTH1	71	1	6		65	PSV	Vietnamese
16	TRẦN NGỌC THU	HSD	34	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
17	TRƯƠNG ĐỨC HÙNG	HSD	35	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ CHÍ CƯỜNG	HSD	32-33	2	15		66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

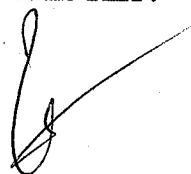
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	10	14	68	670	45	8		
2	TGTH1	5	7	36	333	0	6		
3	HSD	3	4	26	212	0	4		
TOTAL		18	25	130	1.215	45	18		
WEIGHT KG				130	1.215	45			

GRAND TOAL: 1.390 KGS

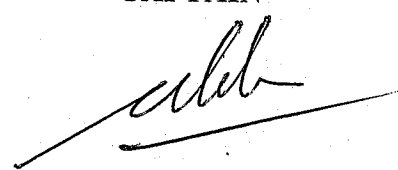
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



1300 kg (chẩn)



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/06/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:30
FLIGHT: 5	TO: P6 - P5	CREW: Nam - XTruong - THU	ETA: 11:10
NAU-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN TÂY	P6	90	1	10	40	62	BIENDON	Vietnamese
2	DƯƠNG PHÚC HẬU	P6	93-94	2	12		65	BIENDON	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU CUÔNG	P6	91-92	2	20		47	BIENDON	Vietnamese
4	BUI VĂN BẮC	P5				35	75	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN QUANG PHÚC	P5	98	1	3		48	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ QUY TOÀN	P5	97	1	8		59	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN MẠCH	P5	96	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐÔNG VĂN THỊNH	P5	92	1	8		83	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ ĐỨC THANH	P5	93	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN KHAI	P5	91	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ANH TUẤN	P5	25-26	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
12	HOÀNG BÀ VỊNH	P5	24	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
13	LUONG VĂN LUONG	P5	28	1	13		95	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN HỒNG HAI	P5	94	1	15		64	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐAM VĂN QUANG	P5	99	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ TRUNG KIẾN	P5	95	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐINH VŨ TIỀN	P5	81	1	11		75	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐÀO QUỐC HÙNG	P5	27	1	20		60	XAYLAP	Vietnamese
19	CU VIỆT LONG	P5	80	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
20	NGÔ VĂN TUẤN	P5	82	1	11		83	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN VĂN MINH	P5	30,79	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
22	LÊ VĂN TÙNG	P5	29	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	3	5	42	174	40	0		
2	P5	19	20	183	1.317	35	22		
TOTAL		22	25	225	1.491	75	22		
WEIGHT KG				225	1.491	75			

GRAND TOAL: 1.791 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/06/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:35
FLIGHT: 06	TO: RP3 - P3	CREW: Phong - ĐNam - HIẾU	ETA: 11:15
TIM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	RYVYAKIN	RP3	46	1	12		100	KHI	Russian
2	PHAM NGOC HUNG	RP3	40	1	8	40	80	KHI	Vietnamese
3	HA VAN THUY	RP3	36	1	7		65	KHI	Vietnamese
4	PHAM QUOC KHANH	RP3	39	1	6		82	KHI	Vietnamese
5	PHAM VAN KY	RP3	400	1	7		67	KHI	Vietnamese
6	LE NHU NGUYEN	RP3	43-44	2	12		53	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN VAN CU	RP3	37	1	4	25	60	KHI	Vietnamese
8	PHAM HONG QUY	RP3	76	1	12		65	VSP_DVL	Vietnamese
9	VO DON LONG	RP3	38	1	8		50	KHI	Vietnamese
10	HOANG VAN HAI	RP3	45	1	9	40	65	KHI	Vietnamese
11	NGO NGOC HAN	RP3	42	1	7		60	KHI	Vietnamese
12	TRAN VUONG HUNG	RP3					80	KHI	Vietnamese
13	PHAN DANG TUAN	RP3	41	1	10		60	DVL	Vietnamese
14	NGUYEN VAN PHONG	P3					80	KH-THAC	Vietnamese
15	DO VAN DAM	P3	58	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN MINH HOAI	P3	61	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI SY CONG	P3	57	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGO MANH HUNG	P3	63	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN QUOC BINH	P3	59	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN THIEN THANH	P3	64	1	9	15	86	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN LE TUNG	P3	62	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
22	VU DUC HUNG	P3	60	1	13		90	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	13	13	102	887	105	11		
2	P3	9	8	60	672	15	11		
TOTAL		22	21	162	1.559	120	22		
WEIGHT KG				162	1.559	120			

GRAND TOAL: 1.841 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/06/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 07	TO: BK5 - P2 - P7	CREW: HUNG - Linh - Toan	ETA: 11:20
cam-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TIEN NHUAN	BK5	23	1	5	15	53	PSV	Vietnamese
2	PHAM VAN MAI	BK5	58	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN VAN BANG	BK5	56	1	5		70	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐAO MINH TIEN	BK5	21	1	13	10	66	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ QUY ĐON	BK5	19-20	2	13		70	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM VĂN THOONG	BK5	44	1	12	10	52	XAYLAP	Vietnamese
7	HOÀNG VĂN CUONG	BK5	42-43	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN KHAC QUY	BK5	53	1	10	15	67	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN ANH PHUC	BK5	46-47	2	14		65	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐOÀN CÔNG MẠNH	BK5	57	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐINH VĂN THANH	P7	59	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P7	60	1	3		85	KH-THAC	Vietnamese
13	HUYNH THANH TAM	P7	57	1	3		85	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU HUNG	P7	55	1	12		62	KH-THAC	Vietnamese
15	TRƯƠNG VĂN QUANG	P7	56	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN LỢI	P7	61	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI TRỌNG AN	P7	62	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN THIÊN	P7	58	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG KHÔI NGUYỄN	P7	53-54	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC CHÂN	P7	52	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN SƠN	P7				78	72	YTE	Vietnamese
22	MAI CAO ĐỊNH	P7	63	1	3		59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	10	13	107	655	50	7		
2	P2	0	0	0	0	0	1		
3	P7	12	12	62	863	78	14		
TOTAL		22	25	169	1.518	128	22		
WEIGHT KG				169	1.518	128			

GRAND TOAL: 1.815 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/06/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:30
FLIGHT: 08	TO: P5 - BK5	CREW: Nam - XTrường - THỤ	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ XUÂN LẬP	P5	12	1	12		68	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN NAM HOÀNG	P5	23	1	10		54	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐẶNG VĂN NAM	P5	07-08	2	18		80	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN HỮU TOÀN	P5	09	1	12		59	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN SỸ MỸ	P5	13	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN ĐỨC CHÍN	P5	01-02	2	18		68	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	P5	10-11	2	17		68	XAYLAP	Vietnamese
8	BUI VĂN CHUNG	P5	18-19	2	16		60	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN VĂN CHIỀU	P5	03	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN NGỌC THÈ	P5	14	1	14		70	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC DANH	P5	04-05	2	20		62	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN HOÀI NAM	P5	06	1	14		76	XAYLAP	Vietnamese
13	TẠ QUANG THANH	P5	20-21	2	14		66	YTE	Vietnamese
14	ĐÀO VĂN THẮNG	P5	22	1	10		55	PSV	Vietnamese
15	LÊ XUÂN TÌNH	P5	17	1	7		71	PSV	Vietnamese
16	TRẦN VIỆT LÝ	P5	24	1	7		76	PSV	Vietnamese
17	HA TRỌNG TÂN KHANG	P5	15	1	4		68	PSV	Vietnamese
18	ĐÀO XUÂN THANH	P5	16	1	5		67	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN ANH KIẾT	BK5	59	1	15	15	71	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN AI	BK5	60-61	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	18	24	223	1.193	0	15		
2	BK5	2	3	35	131	15	7		
TOTAL		20	27	258	1.324	15	22		
WEIGHT KG				258	1.324	15			

GRAND TOAL: 1.597 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/06/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:35
FLIGHT: 09	TO: P4	CREW: Phong - ĐNam - HIẾU	ETA: 13:15
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM KHAC ĐOAN	P4					63	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐO MẠNH DUNG	P4	67	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HUU THAO PVD	P4	56	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
4	CHU VAN DAT	P4	52	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN SON	P4	55	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN HOANG SANG	P4	53	1	15		80	KH-THAC	Vietnamese
7	LE VAN KHOAI	P4	58	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
8	LE HUY CHUONG PVD	P4	59	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
9	HA TAN DUNG	P4	60	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
10	LE HONG TRUNG	P4	54	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN NGOC TUYEN	P4	65	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI MANH CUONG	P4	84	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN DUC BINH	P4	62-63	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN TAN SANG	P4	64	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN VAN DUC	P4	57	1	4		84	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI VAN MUOI	P4	61	1	5		55	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN XUAN DONG	P4	83	1	5		60	PSV	Vietnamese
18	DUONG VAN THU	P4	70	1	4		72	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN TRUNG THANG	P4	85	1	6		65	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN VAN AI	P4	66	1	4		55	PSV	Vietnamese
21	PHAM XUAN HUNG	P4	82	1	7		79	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	21	21	130	1.390	0	22		
TOTAL		21	21	130	1.390	0	22		
WEIGHT KG				130	1.390	0			

GRAND TOAL: 1.520 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/06/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:40
FLIGHT: 10	TO: PPD	CREW: HUNG - Linh - Toan	ETA: 13:20
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC QUANG	PPD	93	1	5		74	KHI	Vietnamese
2	OKOVANSEV	PPD	82	1	10		110	KHI	Russian
3	TRẦN SƠN TOÀN	PPD	85	1	5		75	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN NAM	PPD	81	1	5		79	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC LÂM	PPD	84	1	7		75	KHI	Vietnamese
6	LÊ ĐỨC THẮNG	PPD	79	1	5		73	KHI	Vietnamese
7	NGÔ SỸ THANH	PPD	91	1	5		74	KHI	Vietnamese
8	LUƠNG MẠNH DƯƠNG	PPD	92	1	10		63	KHI	Vietnamese
9	LÊ THANH TRUNG	PPD					66	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH HOANG	PPD	80	1	5	85	67	KHI	Vietnamese
11	TRẦN QUỐC HÙNG	PPD	86	1	5		56	KHI	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN TUẤN	PPD	87	1	4		72	KHI	Vietnamese
13	LÊ TRUNG LÂN	PPD	83	1	5		80	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN THẾ HÙNG	PPD					72	KHI	Vietnamese
15	TRINH QUỐC THANH	PPD	89-90	2	11		98	KHI	Vietnamese
16	VŨ NGỌC TUẤN	PPD	88	1	6		84	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG NAM	PPD	94	1	3		66	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	17	16	91	1.284	85	21		
TOTAL		17	16	91	1.284	85	21		
WEIGHT KG				91	1.284	85			

GRAND TOAL: 1.460 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN